

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ
KIỆN THIẾT HẠ TỈNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Bao cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Bao cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Bao cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 21
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Bao cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Bao cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thành viên Xổ số Kiến thiết Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết thành lập theo Quyết định số 574/QĐ/UB ngày 28/04/1993 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 02 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Các thành viên của Ban lãnh đạo Công ty trong năm và tài ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên Chức vụ

Ông Tông Tuấn Long

Phó Giám đốc điều hành

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Kê toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - CN Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG BỘ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

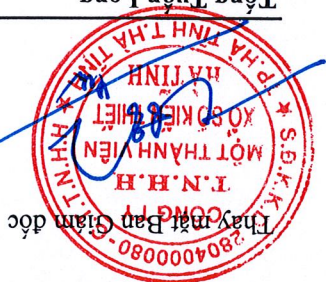
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phân ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dự ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phân ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Hà Tĩnh
Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Tuấn Long

Phó Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 05 năm 2019

S6:18.132.1/2018/BCKT.TC - KSIHN

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Ban Giám đốc

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của các kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoài trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài trừ

i) Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ phải thu khách hàng với giá trị là 80.828.184đ, phải thu tạm ứng nhân viên là 319.813.150đ, phải thu khác là 367.787.695đ. Bảng các thủ tục thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để đưa ra ý kiến về mặt giá trị cũng như tình hình đầy đủ của chi phí dự phòng cần trích lập của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

ii) Như đã nêu tại thuyết minh số 21, Công ty đang ghi nhận số tiền phát thuế 332.473.369 đồng từ các năm trước vào kết quả kinh doanh năm nay thay vì điều chỉnh hồi tố theo quy định.

iii) Tình đến hết thời điểm 31/12/2018, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 6.387.325.402đ, lớn hơn số vốn điều lệ thực góp 4.481.023.054đ (Vốn điều lệ theo đăng ký là 30 tỷ đồng). Điều này có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.



Y kiến kiểm toán ngoài trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài trừ” và các ảnh hưởng, Báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hà Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo này được lập thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 18.132/2018/BCKT.TC - KSHN ngày 18/02/2019 do điều chỉnh lại theo biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính của Sở Tài chính Tỉnh Hà Tĩnh. Báo cáo kiểm toán số 18.132/2018 không còn hiệu lực kể từ ngày báo cáo này được phát hành.

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - CN Hà Nội



Đỗ Khắc Tiên

Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: Số: 1150-2018-046-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2019

Nguyễn Trung Thành

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: Số: 1312-2014-046-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGÂN HẠN		3.869.941.117	3.102.493.189
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.415.347.012	1.980.098.672
111 I. Tiền		1.884.916.295	1.473.965.339
112 2. Các khoản tương đương tiền		530.430.717	506.133.333
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.113.912.433	949.104.706
131 I. Phải thu khách hàng	4	80.828.184	80.828.184
135 5. Các khoản phải thu khác	5	1.033.084.249	868.276.522
140 IV. Hàng tồn kho	6	340.681.672	173.289.811
141 I. Hàng tồn kho		340.681.672	173.289.811
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		235.632.470	214.985.622
220 II. Tài sản cố định		-	22.861.662
221 I. Tài sản cố định hữu hình	7	-	22.861.662
222 - Nguyên giá		2.432.783.093	2.432.783.093
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.432.783.093)	(2.409.921.431)
227 3. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228 - Nguyên giá		75.132.000	75.132.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(75.132.000)	(75.132.000)
260 V. Tài sản dài hạn khác		235.632.470	192.123.960
261 I. Chi phí trả trước dài hạn	9	235.632.470	192.123.960
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.105.573.587	3.317.478.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		6.006.151.751	4.193.187.211
310 I. Nợ ngắn hạn		5.635.651.751	3.884.187.211
312 2. Phải trả người bán		37.000.000	-
313 3. Người mua trả tiền trước		589.166.396	326.696.646
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.565.394.452	1.920.483.286
315 5. Phải trả người lao động		1.664.664	-
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	12	2.442.426.239	1.637.007.279
330 II. Nợ dài hạn		370.500.000	309.000.000
333 3. Phải trả dài hạn khác	13	370.500.000	309.000.000
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.900.578.164)	(875.708.400)
410 I. Vốn chủ sở hữu	14	(1.900.578.164)	(875.708.400)
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.481.023.054	4.481.023.054
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.387.325.402)	(5.362.455.638)
421 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		5.724.184	5.724.184
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.105.573.587	3.317.478.811

Mã số NGUỒN VỐN

Thuyết minh

31/12/2018

01/01/2018

(Handwritten signature)

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Tổng Tuấn Long

Phó Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số CHI TIẾT Thuyet minh VND Năm 2018 VND Năm 2017

01	1. Doanh thu	29.129.015.022	23.617.480.635
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	29.129.015.022	23.617.480.635
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống	2.015.731.227	1.858.711.462
01.1.2	1.1.2. Xổ số cao	597.726.483	487.838.741
01.1.4	1.1.4. Xổ số 16 16	26.515.557.312	21.270.930.432
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	-	-

10	3. Doanh thu thuần	29.129.015.022	23.617.480.635
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	29.129.015.022	23.617.480.635
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	-	-

11	4. Chi phí kinh doanh	26.812.828.477	21.555.145.032
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	26.573.257.677	21.342.427.962
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả và thưởng	21.715.979.605	17.600.077.149
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	4.857.278.072	3.742.350.813
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	239.570.800	212.717.070

20	5. Lợi nhuận gộp	2.316.186.545	2.062.335.603
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	2.555.757.345	2.275.052.673
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	(239.570.800)	(212.717.070)

21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.650.095	6.865.623
22	7. Chi phí tài chính	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.257.258.488	3.075.956.083

30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(912.421.848)	(1.006.754.857)
----	---	---------------	-----------------

31	11. Thu nhập khác	468.745.643	432.897.124
32	12. Chi phí khác	539.542.840	628.169

40	13. Lợi nhuận khác	(70.797.197)	432.268.955
----	--------------------	--------------	-------------

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(983.219.045)	(574.485.902)
----	---------------------------------------	---------------	---------------

51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
----	---------------------------------	---	---

60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(983.219.045)	(574.485.902)
----	-----------------------------	---------------	---------------

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHI TIẾT

Thuyết minh

Năm 2018

Năm 2017 VND

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2018	Năm 2017
01 Lợi nhuận trước thuế	(983.219,045)	(574.485,902)
2. Điều chỉnh cho các khoản thay đổi vốn lưu động		
02 - Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	22.861,662	116.530,651
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(28.650,095)	(6.865,623)
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	(989.007,478)	(464.820,874)
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu	(164.807,727)	(20.446,177)
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho	(167.391,861)	37.552,541
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả	1.812.964,540	831.660,614
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước	(43.508,510)	(15.724,241)
15 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
16 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(41.650,719)	368.221,863
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	406.598,245	368.221,863
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28.650,095	6.865,623
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	28.650,095	6.865,623
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	435.248,340	375.087,486
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.980.098,672	1.605.011,186
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.415.347,012	1.980.098,672

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Tổng Tuấn Long



Phó Giám đốc
Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 05 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ, tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết được thành lập theo Quyết định số 574/QĐ/UB ngày 28/04/1993 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc phê duyệt Đề án chuyên Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp. Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 02 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 ngày 27/05/2014 là: Kinh doanh các loại hình vé số.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về danh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào gian tra nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
 - Máy móc, thiết bị
 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn
 - Thiết bị, dụng cụ quản lý
 - TSCĐ khác
- 05 - 50 năm
05 - 10 năm
06 - 10 năm
03 - 05 năm
03 - 05 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.12 . Chi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp danh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu kinh doanh xổ số
Doanh thu được ghi nhận theo Điều 9 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần tách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	1.840.665.450	1.437.144.987
Tiền gửi ngân hàng	44.250.845	36.820.352
Các khoản tương đương tiền	530.430.717	506.133.333
Tổng cộng	2.415.347.012	1.980.098.672

4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
- Phải thu của các tổ chức	41.782.090	41.782.090
- Phải thu của các cá nhân	39.046.094	39.046.094
Tổng cộng	80.828.184	80.828.184

5 . PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
Giá trị	VND	VND
Dư phòng	VND	VND
Giá trị	514.463.172	514.463.172
Dư phòng	353.813.350	353.813.350
Các khoản phải thu khác	631.270.899	631.270.899
Phải thu về tạm ứng	401.813.350	401.813.350
Tổng cộng	1.033.084.249	868.276.522

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018	01/01/2018
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Hàng hóa	17.135.725	17.135.725
- Vé xổ số	323.545.947	156.154.086
Tổng cộng	340.681.672	173.289.811

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	210.252.666	138.165.455	2.432.783.093						
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	210.252.666	138.165.455	2.432.783.093						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	931.917.258	53.636.363	1.077.421.529	208.780.826	138.165.455	2.409.921.431						
Số tăng trong năm	-	-	21.389.822	1.471.840	-	22.861.662						
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	-	21.389.822	1.471.840	-	22.861.662						
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-						
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-						
Số dư cuối năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	210.252.666	138.165.455	2.432.783.093						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	-	-	21.389.822	1.471.840	-	22.861.662						
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-						
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			1.761.621.274		VND							

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Nguyên giá TSCĐ
 Số dư đầu năm
 Số tăng trong năm
 Số giảm trong năm
 - Giám khác
 Số dư cuối năm

Gia trị hao mòn lũy kế
 Số dư đầu năm
 Số tăng trong năm
 - Khấu hao TSCĐ trong năm
 Giảm trong năm
 - Giám khác
 Số dư cuối năm

Gia trị còn lại
 Tài ngày đầu năm
 Tài ngày cuối năm

115.132.000	-	(40.000.000)	75.132.000
113.340.593	1.791.407	1.791.407	113.340.593
75.132.000	(40.000.000)	75.132.000	
1.791.407	(40.000.000)	1.791.407	
1.791.407	1.791.407	1.791.407	
1.791.407	-	1.791.407	
-		-	
-		-	

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
 Chi phí phân bổ sửa chữa

235.632.470	235.632.470
192.123.960	-
192.123.960	192.123.960

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Các dài lý bán vé xổ số

589.166.396	589.166.396
326.696.646	326.696.646
326.696.646	326.696.646

Tổng

326.696.646	589.166.396
326.696.646	589.166.396
326.696.646	589.166.396

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
- Thuế Giá trị gia tăng	1.012.040.233	742.875.804
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.553.354.219	1.177.607.482
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Thuế môn bài	2.565.394.452	1.920.483.286

Quýet iotan thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	786.284	-
Bảo hiểm xã hội	539.497.389	-
Phải trả tiền phát chậm nộp thuế	1.902.142.566	1.637.007.279
Phải trả khác	2.442.426.239	1.637.007.279

13 . PHẢI TRẢ DẠI HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của đại lý	370.500.000	309.000.000
Tổng	370.500.000	309.000.000

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XD CB		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (theo báo cáo trước đây)	4.481.023.054	(4.787.969.736)	5.724.184	(301.222.498)				
Điều chỉnh hồi tố do sửa chữa sai sót kế toán (*)	-	(41.650.719)	-	(41.650.719)				
Số dư đầu năm trước (trình bày lại)	4.481.023.054	(4.829.620.455)	5.724.184	(342.873.217)				
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	(574.485.902)	-	(574.485.902)				
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-				
Số dư cuối năm trước	4.481.023.054	(5.404.106.357)	5.724.184	(917.359.119)				
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-				
Lãi/Lỗ trong năm nay	-	(983.219.045)	-	(983.219.045)				
Giảm khác	-	-	-	-				
Số dư cuối năm nay	4.481.023.054	(6.387.325.402)	5.724.184	(1.900.578.164)				

(*): Một số khoản chi phí đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh các năm trước với giá trị 41.650.719 đồng. Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 30 tỷ đồng, tuy nhiên số vốn thực góp mới đạt 4.481.023.054đ.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

KINH DOANH

15 . DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thông	29.129.015.022	23.617.480.635
- Xổ số truyền thông	2.015.731.227	1.858.711.462
- Xổ số cao	597.726.483	487.838.741
- Xổ số lô tô	26.515.557.312	21.270.930.432
Doanh thu khác	-	-
29.129.015.022	29.129.015.022	23.617.480.635

16 . DOANH THU THUẬN

Doanh thu thuận kinh doanh xổ số truyền thông	29.129.015.022	23.617.480.635
- Xổ số truyền thông	2.015.731.227	1.858.711.462
- Xổ số cao	597.726.483	487.838.741
- Xổ số lô tô	26.515.557.312	21.270.930.432
Doanh thu khác	-	-

17 . CHI PHÍ KINH DOANH

Chi phí kinh doanh xổ số	26.573.257.677	21.342.427.962
- Chi phí trả trước	21.715.979.605	17.600.077.149
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	4.857.278.072	3.742.350.813
Giá vốn hàng hóa đã bán	239.570.800	212.717.070

	Năm 2018	Năm 2017
26.573.257.677	26.573.257.677	21.342.427.962
29.129.015.022	29.129.015.022	23.617.480.635

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH

Lãi tiền gửi Ngân hàng	28.650.095	6.865.623
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-

	Năm 2018	Năm 2017
28.650.095	28.650.095	6.865.623
28.650.095	28.650.095	6.865.623

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		20 . THU NHẬP KHÁC		21 . CHI PHÍ KHÁC		22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	
Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên	2.050.072.766	Chi phí hoạt động cho thuê Ki-ốt	432.045.452	Phạt nộp chậm thuế (*)	539.497.389	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	(983.219.045)
Chi phí thuê văn phòng	179.465.510	Thu nhập từ Quảng cáo trên vé xổ số	1.736.191	Phạt nộp chậm BHXH	45.451	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	(983.219.045)
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.861.662	Thu nhập khác	34.964.000	Chi phí khác	-	Thu nhập tính thuế TNDN	(983.219.045)
Chi phí và lệ phí	120.635.680	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	383.999.993	Phạt nộp chậm thuế (*)	-	Thu nhập chịu thuế TNDN	(983.219.045)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.107.127	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	14.578.131	Phạt nộp chậm thuế (*)	-	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	(574.485.902)
Chi phí bằng tiền khác	607.564.991	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	34.319.000	Phạt nộp chậm thuế (*)	-	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	(574.485.902)
Chi phí hội đồng thành viên	245.550.752	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	-	Phạt nộp chậm thuế (*)	-	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	(574.485.902)
Chi phí khác	37.677.155	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	-	Phạt nộp chậm thuế (*)	-	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	(574.485.902)
3.257.258.488	3.075.956.083	468.745.643	432.897.124	628.169	628.169	539.542.840	628.169
(*) : Trong đó tiền phạt chậm nộp từ các năm trước là: 332.473.369 đồng							

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÀN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố tên Báo cáo tài chính này.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - CN Hà Nội.

Người lập biên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Trần Tuấn Long



Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 05 năm 2019

